

Bản án số: 247/2022/HS-PT

Ngày: 16/4/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hoa;

Các Thẩm phán: Ông Võ Hồng Sơn

Ông Mai Anh Tài

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Dịu - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Bình - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 16 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 24/2022/TLPT-HS ngày 07 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Đình M phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2020/HS-ST ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Đình M**, Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1981 tại Thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nơi cư trú: Thôn Ph Tr, xã N Tr, huyện Ph X, Thành phố Hà Nội. Trình độ học vấn: 9/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông: Nguyễn Đình B, sinh năm 1953; Con bà: Nguyễn Thị H, sinh năm 1959; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ: Phạm Thị H1, sinh năm 1983; Bị cáo có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Chưa có; Nhân thân: Các ngày 31/12/2013, 24/5/2015 bị UBND huyện Ph X, thành phố Hà Nội xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khai thác khoáng sản trái phép.

Bị cáo bị tạm giữ tại Trại tạm giam - C an tỉnh Hưng Yên từ ngày 27/3/2019 đến ngày 04/4/2019. Hiện đang áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trần Thu Nam và bà Bùi Thị Thu – Luật sư Văn phòng luật sư Tiến Việt – Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không kháng cáo, không bị kháng nghị, không liên quan đến nội dung kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 03h30' ngày 27/3/2019, tổ công tác của Phòng Cảnh sát Hình sự, Phòng Cảnh sát Môi trường và Phòng Cảnh sát Giao thông- Công an tỉnh Hưng Yên cùng Công an huyện V G phối hợp với Cục Cảnh sát hình sự Bộ Công an phát hiện bắt quả tang Nguyễn Đình C đang chỉ đạo Dương Văn Ch điều khiển tàu HD-0234 cùng với Lê Sỹ S, sinh năm (SN) 1987 và Lê Sỹ S1, SN 1979 đều ở thôn X Đ, xã H T, huyện K C. Nguyễn Đình M điều khiển tàu BG-0095 cùng với Vũ Văn H, SN 1979 ở thôn ĐG, xã Th P, huyện Ph X, Thành phố Hà Nội đang thực hiện hành vi hút lên khoang tàu và bơm cát đã khai thác ở dưới lòng sông Hồng cách bờ khoảng 30m và cách bên phà Mễ Sở khoảng 80m tại địa phận thôn P T, xã M S, huyện V G lên bãi của Công ty Cổ phần phát triển H H, Hưng Yên (gọi tắt là công ty HH). Vũ Văn Uyên đang ghi chép sổ sách thời gian cập bờ, số chuyến tàu mà các tàu đã khai thác được và bơm lên bãi.

* Vật chứng đã thu giữ gồm:

- 75,5m³ cát tại khoang chứa của tàu BG-0095.
- 133.963,30m³ cát tại bãi cát của Công ty cổ phần phát triển H H, Hưng Yên.
- 02 tàu thủy vỏ sắt có số hiệu BG-0095 và HD-0234 có gắn máy bơm hút cát, vòi hút, xả cát lên kho bãi chứa cát.
- 96m ống nhựa hình tròn, đường kính 22,5cm dùng để bơm cát từ tàu dưới sông lên kho bãi chứa cát.
- Thu tại chòi bảo vệ ở chân bãi cát giáp bờ sông Hồng của Vũ Văn U 01 quyển sổ tay kích thước khoảng (10x15)cm, gáy xoắn, bìa trước màu vàng, trong giấy trắng kẻ ngang các trang có chữ viết được đánh số từ 01 đến 15, có chữ ký của Vũ Văn U ở các trang.
- Tạm giữ của Vũ Văn U 01 điện thoại Nokia, số imei 357342089204593 vỏ nhựa màu đen đã qua sử dụng.
- Tạm giữ của Nguyễn Đình M 01 điện thoại Nokia vỏ nhựa màu đỏ đen, số imei: 359583/05/065374/2 đã qua sử dụng.
- Tạm giữ của Nguyễn Đình C 01 điện thoại Iphone vỏ nhựa màu đen đã qua sử dụng, số imei: 353071097545036.

- Thu giữ 09 mẫu vật để phục vụ công tác giám định gồm: thu tại tàu hút mang số hiệu HD-0234 được niêm phong ghi mẫu số 01; Thu tại tàu hút mang số hiệu BG-0095 được niêm phong ghi mẫu số 2; Thu tại bãi cát trên đầu vòi xả của tàu hút cát số hiệu HD-0234 được niêm phong ghi mẫu số 03; Thu tại bãi cát trên đầu vòi xả của tàu hút cát số hiệu BG-0095 được niêm phong ghi mẫu số 04; Thu 04 mẫu cát tại 04 vị trí khác nhau của bãi tập kết cát tại Công ty HH được niêm phong ký hiệu từ mẫu số 05 đến mẫu số 08; thu mẫu cát dưới lòng sông Hồng tại vị trí tàu BG-0095 bị bắt quả tang được niêm phong ký hiệu mẫu số 09. Trong quá trình bắt giữ một số đối tượng trên hai tàu đã nhảy xuống dưới sông Hồng bỏ trốn.

Quá trình điều tra đã làm rõ: Công ty Cổ phần phát triển H H, Hưng Yên đăng ký lần đầu tại Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hưng Yên vào ngày 09/12/2015, có địa chỉ ở thôn P T, xã M S, huyện V G, tỉnh Hưng Yên, ngành nghề kinh doanh chính là bốc xếp, mua bán vật liệu xây dựng. Cổ đông góp vốn công ty gồm: Phạm Văn L, sinh năm (SN): 1971, hộ khẩu thường trú (HKTT): Thôn X, xã Đ M, huyện Th T, thành phố (TP) Hà Nội; anh Nguyễn Đình D, SN: 1978, HKTT: thôn G M, xã H L, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa và chị Hà Thị Thanh X, SN: 1975, HKTT: Ph N, xã Ng H, huyện YM, tỉnh Hưng Yên. Hội đồng quản trị đã bầu anh D làm Chủ tịch Hội đồng quản trị (HĐQT) và thống nhất thuê anh Nguyễn Duy Th, SN: 1982, nơi cư trú: thôn P X, xã N Q, huyện T M, tỉnh Hải Dương làm Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của công ty. Anh Nguyễn Duy Th làm việc tại công ty HH đến khoảng tháng 02/2017 thì có đơn xin nghỉ việc nhưng do anh D đề nghị nên anh Th vẫn đứng tên giữ chức danh Giám đốc công ty HH.

Sau khi anh Th chuyển đi, anh Nguyễn Đình D giao lại toàn bộ việc quản lý, điều hành công việc tại bến bãi của công ty cho Nguyễn Đình C, SN: 1976, nơi cư trú: số nhà 17, ngõ 2, đường L T V, Khu 4, phường B Đ, TX Bím Sơn, tỉnh Thanh Hóa, lúc đó C đang làm nhân viên bán hàng cát trong công ty HH. Trong quá trình điều hành công ty ngày 27/9/2018, Nguyễn Đình C thuê một chiếc tàu hút cát có số đăng ký: BG-0095 của anh Phạm Hoàng G, SN: 1984, HKTT: Khu tập thể 230, xã D X, huyện G L, Thành phố Hà Nội với giá 20.000.000đ/1 tháng với mục đích mang đi hút cát thuê tại các mỏ cát được cấp phép. Do tàu BG-0095 đã cũ, lâu ngày chưa sử dụng nên C phải sửa chữa. Quá trình điều tra C khai: Khi C điều hành, quản lý công việc của công ty thì C đều báo cáo lại công việc cho anh Luân để anh Luân chỉ đạo. Khoảng cuối tháng 10/2018 anh Luân có bảo với C do công ty làm ăn kém không có lợi nhuận nên anh Luân bàn bạc, trao đổi với C về việc sử dụng tàu BG-0095 hút cát từ lòng sông Hồng và tập kết tại bãi của công ty bán kiếm lời. Do tàu BG-0095 vẫn để không chưa có việc làm nên C đồng ý. Cả hai thống nhất mỗi 1m³ cát khai thác được từ lòng sông Hồng bơm lên bãi của công ty HH thì công ty sẽ trả cho chủ tàu là 12.000 đồng. Anh Luân giao

cho C chỉ đạo, điều hành việc khai thác cát trái phép và báo cáo lại anh Luân để anh Luân theo dõi.

Để thực hiện việc khai thác cát trái phép, C thuê Nguyễn Đình M, SN: 1981, nơi cư trú: Thôn Phong Tr, xã N Tr, huyện Ph X, Thành phố Hà Nội lái tàu và quản lý tàu BG-0095. C thỏa thuận với M mỗi 1m^3 cát khai thác được từ lòng sông Hồng bơm lên bãi của công ty HH thì C sẽ trả cho M 3.000 đồng, M tự thuê công nhân làm trên tàu, C chịu trách nhiệm đổ dầu, mỗi một chuyến cát hút đầy khoang tàu BG-0095 được tính 200m^3 . Đồng thời, C bảo Dương Văn Ch, SN: 1971, nơi cư trú: thôn 5, xã Hà Vân, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa mang tàu hút cát của Ch (có số đăng ký: HD-0234) ra làm cho C Ch đồng ý. Chiếc tàu HD-0234 theo Ch khai nhận đầu năm 2018 Ch mua lại của một người đàn ông tên Hoàng (không rõ tên tuổi, địa chỉ) với giá 1.000.000.000 đồng, khi mua bán thì Hoàng không giao lại cho Ch giấy tờ gì. C thỏa thuận với Ch mỗi 1m^3 cát khai thác được từ lòng sông hồng bơm lên bãi của công ty HH thì C sẽ trả cho Ch 12.000 đồng, Ch tự thuê công nhân làm trên tàu, tự đổ dầu, mỗi một chuyến cát hút đầy khoang tàu HD-0234 của Ch được tính 150m^3 . Ngoài ra C còn thuê Vũ Văn U, SN: 1969, nơi cư trú: thôn P X, xã N Q, huyện T M, tỉnh Hải Dương làm nhiệm vụ kiểm tra, ghi chép, số lượng các tàu cập bờ sau khi khai thác cát trái phép ở dưới lòng sông để bơm cát lên bãi của công ty với mức lương là 5.000.000 đồng/tháng.

Việc khai thác cát trái phép được thực hiện từ ngày 02/11/2018, để tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng, thời gian khai thác thường diễn ra từ khoảng 19 giờ hôm trước đến 06 giờ sáng ngày hôm sau. Hàng ngày tàu BG-0095 và tàu HD-0234 ra giữa sông Hồng hút cát lên khoang tàu. Khi kiểm tra thấy khoang tàu đầy cát thì U sẽ cho tàu cập vào bờ bơm cát lên bãi của Công ty HH và ghi lại thời gian từng chuyến tàu vào bơm cát. Sau khi kết thúc công việc thì U mang sổ sách ghi chép để ở ngăn kéo phòng bán hàng để C theo dõi. Ngoài ra C còn thuê 02 tàu hút cát khác (chưa rõ số đăng ký) của anh Nhật, anh Quảng (chưa rõ nhân thân lai lịch) để khai thác cát trái phép từ lòng sông Hồng bơm lên bãi của Công ty HH. Tàu anh Nhật làm từ ngày 21/11/2018 đến ngày 02/01/2019 thì nghỉ, tàu anh Quảng làm được một ngày ngày 9/11/2018 thì nghỉ.

Để thực hiện việc khai thác cát Dương Văn Ch thuê một số đội tượng làm việc trên tàu HD-0234; Nguyễn Đình M thuê Vũ Văn H, SN: 1979, nơi cư trú: thôn ĐG, xã Th P, huyện Ph X, Thành phố Hà Nội; đối tượng tên Đức quê ở Hải Dương; Tùng ở Hưng Yên (đều chưa rõ nhân thân lai lịch) làm việc trên tàu BG-0095. Các đối tượng này đều biết việc khai thác cát không có giấy phép.

Tại bản Kết luận giám định số 1643C/C09(P4) ngày 03/4/2019 và bản Kết luận giám định số 1643D/C09(P4) ngày 23/4/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ C an kết luận: 01 mẫu ghi thu lại tàu hút cát mang số hiệu HD-0234 (ký hiệu số 01), 01 mẫu ghi thu tại tàu hút cát mang số hiệu BG-0095 (ký hiệu số 02), 06

mẫu ghi thu tại bãi chứa vật liệu xây dựng của Công ty Cổ phần phát triển H H, Hưng Yên (ký hiệu số 03, số 04, số 05, số 06, số 07, số 08) và 01 mẫu ghi thu dưới đáy sông Hồng tại vị trí tàu BG - 0095 bị bắt quả tang đang hút cát trái phép (ký hiệu số 09) đều là cát, đều là khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường; đều có khoáng vật chính là thạch anh và mica.

Tại bản Kết luận định giá số 21/KL-HĐĐG ngày 23/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Hưng Yên, kết luận: Giá trị tài sản cát đen (san nền) là vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn huyện V G (giá tại bãi) ở các thời điểm như sau:

* Thời điểm ngày 02/11/2018:

- 01m³ cát có giá là 49.000đ (Bốn mươi chín nghìn đồng)
- 133.963,30m³ có giá là 6.564.201.700đ (Sáu tỷ năm trăm sáu mươi bốn triệu hai trăm linh một nghìn bảy trăm đồng).

* Thời điểm ngày 27/3/2019:

- 01m³ cát có giá là 53.000đ (Năm mươi ba nghìn đồng)
- 75,5m³ có giá là 4.001.500đ (Bốn triệu không trăm linh một nghìn năm trăm đồng).
- 133.963,30m³ có giá là 7.100.054.900đ (Bảy tỷ một trăm triệu không trăm năm mươi bốn nghìn chín trăm đồng).

* Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Duy Th ở thôn P X, xã N Q, huyện T M, tỉnh Hải Dương không thu giữ đồ vật tài sản gì. Khám xét khẩn cấp nơi làm việc tại trụ sở Công ty HH thu giữ: 37 quyền sở các loại. Trong đó xác định 21 quyền sở liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty HH và 16 quyền sở liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH xây dựng, sản xuất và thương mại Hưng Thịnh có địa chỉ tại thôn P T - Mễ Sở - Văn Giang - Hưng Yên. Đối với 16 quyền sở liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH xây dựng, sản xuất và thương mại Hưng Thịnh là do Nguyễn M Trung - Con rể của Phạm Văn L mang từ công ty TNHH Xây dựng, SX và TM Hưng Thịnh sang công ty HH. Cơ quan điều tra đã tiến hành bàn giao về vụ án Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên xảy ra ngày 27/3/2019 tại Công ty TNHH Xây dựng, SX và TM Hưng Thịnh có trụ sở ở thôn P T, xã M S, huyện V G, tỉnh Hưng Yên để điều tra, xử lý.

Trong quá hoạt động kinh doanh hợp pháp, công ty có mua cát đen của 03 Công ty đóng trên địa bàn thị trấn Kinh Môn, tỉnh Hải Dương sau đó bán lại cho các doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài địa bàn tỉnh Hưng Yên. Qua kiểm tra sổ sách kế toán xác định số lượng cát tồn trên bãi năm 2018 của công ty HH là 51.868,05m³. Ba tháng đầu năm 2019, công ty HH đã xuất 03 hóa đơn bán cho các doanh nghiệp với tổng số 7.951,3m³ cát đen. Như vậy khối lượng cát còn tồn trên bãi của công ty theo hóa đơn là 43.916,75m³. Quá trình điều tra chưa có tài

liệu nào thể hiện Hội đồng quản trị, giám đốc công ty thống nhất hoặc ban hành các văn bản nào liên quan đến hoạt động khai thác cát trái phép nên không có căn cứ để xác định Công ty HH thu lời bất chính từ hoạt động khai thác cát trái phép.

Quá trình điều tra xác định từ ngày 02/11/2018 đến ngày 27/3/2019 tổng khối lượng cát của 04 tàu khai thác trái phép được là: 237.475,5m³, cụ thể như sau:

- Tàu BG-0095 khai thác được 605 chuyến trong đó có 01 chuyến được tính 150m³ (do bơm thiếu) còn lại được tính 200m³, tổng khối lượng cát khai thác được là 120.950m³. Khi bắt quả tang, thu giữ trên khoang tàu BG-0095 là 75,5m³. Như vậy, tổng khối lượng cát tàu BG-0095 khai thác được là 121.025,5m³.

- Tàu HD-0234 khai thác được 399 chuyến được tính 150m³, tổng khối lượng cát khai thác được là 59.850m³.

- Tàu của anh Nhật khai thác được 278 chuyến, được tính 200m³/chuyến, tổng khối lượng cát khai thác được là 55.600m³.

- Tàu của anh Quảng khai thác được 05 chuyến được tính 200m³/chuyến, tổng khối lượng cát khai thác được là 1.000m³.

* Về việc thu lời bất chính: Đối với Nguyễn Đình M là quản lý và lái tàu BG-0095: tham gia khai thác trái phép 121.025,5m³ cát đen với giá trị tài nguyên khoáng sản là: 121.025,5m³ x (49.000đ - 12.000đ) = 4.477.943.500đ. Với mỗi chuyến cát khai thác M được C trả 600.000đ/chuyến, M tự trả tiền thuê cho công nhân làm trên tàu là: 120.000đ/người/chuyến x 4 người + tiền ăn uống cho các công nhân là 40.000đ/chuyến = 520.000đ /chuyến. Như vậy số tiền M được hưởng lợi của một chuyến là: 600.000đ - 520.000đ = 80.000đ. Tổng số tiền M được hưởng lợi là: 605 chuyến - 63 chuyến (của tháng 3/2019 chưa thanh toán) x 80.000đ = 43.360.000đ.

* Xác M tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên xác định: Tại khu vực sông Hồng thuộc địa phận huyện V G vào thời điểm từ ngày 02/11/2018 đến ngày 27/3/2019 không có đơn vị, tổ chức cá nhân, doanh nghiệp nào được phép nạo vét, khai thác khoáng sản (cát) dưới bất kỳ hình thức nào. Đồng thời UBND tỉnh Hưng Yên đã ban hành Quyết định số 09/2017/QĐ-UBND ngày 02/6/2017 quy định về quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Hưng Yên thể hiện thời gian khai thác chỉ được thực hiện từ 06 giờ đến 18 giờ hàng ngày nếu được cấp phép.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2020/HS-ST ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình M phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; khoản 1 Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình M 01 năm 06 tháng tù giam; được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/3/2019 đến ngày 04/4/2019. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Đình C, Vũ Văn U, Dương Văn Ch, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 15 tháng 7 năm 2020, bị cáo Nguyễn Đình M có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 29 tháng 3 năm 2022 có đơn xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo, thành khẩn khai báo và thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại phiên tòa Luật sư đề nghị cho bị cáo được cải tạo không giam giữ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Đình M về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, tự nguyện nộp số tiền thu lợi bất chính, án phí sơ thẩm, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, tuy nhiên bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính, nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội thể hiện thái độ coi thường pháp luật. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Bị cáo không đủ điều kiện được hưởng án treo, do vậy, cũng không đủ điều kiện áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo theo đề nghị của Luật sư.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về đơn kháng cáo:* Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định, đủ điều kiện được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] *Về hành vi, quyết định tố tụng:* Các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về nội dung: Tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ, lời khai của các bị cáo khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Với động cơ thu lợi bất chính, trong thời gian từ ngày 02/11/2018 đến ngày 27/3/2019, Nguyễn Đình C, Dương Văn Ch, Vũ Văn U, Nguyễn Đình M đã sử dụng 02 tàu số đăng ký BG-0095 và HD-0234 hút 1.808.75,5m³ cát trái phép từ dưới đáy lòng sông Hồng lên tàu rồi bơm đẩy lên bãi cát của C ty Hưng Hà thuộc thôn P T, xã M S, huyện V G, tỉnh Hưng Yên. Ngoài ra, Nguyễn Đình C còn thuê 02 tàu của anh Nhật, anh Quảng hút 56.600m³ cát trái phép từ dưới đáy lòng sông Hồng lên tàu rồi bơm đẩy lên bãi cát của công ty HH . Cụ thể như sau:

[4] Nguyễn Đình C, Vũ Văn U chịu trách nhiệm toàn bộ đối với số cát khai thác trái phép là 237.475,5m³ khoáng sản (cát) trị giá 8.786.593.500đ. Nguyễn Đình C thu lợi bất chính số tiền là 3.017.852.600 đồng.

[5] Dương Văn Ch là người giúp sức cho Nguyễn Đình C chịu trách nhiệm đối với số cát khai thác trái phép là 59.850m³ khoáng sản (cát) trị giá 2.214.450.000 đồng.

[6] Nguyễn Đình M là người giúp sức cho Nguyễn Đình C chịu trách nhiệm đối với số cát khai thác trái phép là 121.025,5m³ khoáng sản (cát) trị giá 4.477.943.500 đồng.

[7] Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên xác định: Tại khu vực sông Hồng thuộc địa phận huyện V G vào thời điểm từ ngày 02/11/2018 đến ngày 27/3/2019 không có đơn vị, tổ chức cá nhân, doanh nghiệp nào được phép nạo vét, khai thác khoáng sản (cát) dưới bất kỳ hình thức nào. Đồng thời UBND tỉnh Hưng Yên đã ban hành Quyết định số 09/2017/QĐ-UBND ngày 02/6/2017 quy định về quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Hưng Yên thể hiện thời gian khai thác chỉ được thực hiện từ 06 giờ đến 18 giờ hàng ngày nếu được cấp phép. Do đó, việc khai thác cát của các bị cáo là hoàn toàn trái phép. Bị cáo C biết được C ty Hưng Hà không được cấp phép khai thác cát nên để tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng, C chỉ đạo các tàu hút cát chỉ được hút từ thời gian khoảng 19 giờ hôm trước đến 06 giờ sáng ngày hôm sau.

[8] Hành vi nêu trên của bị cáo cùng số lượng cát khai thác trái phép của các bị cáo đã phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Hình sự. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, có tính chất nghiêm trọng. Việc khai thác cát trái phép tại các dòng sông đã và đang gây sạt lở nhiều bờ sông, tuyến đê và nhà cửa; đời sống người dân và hệ sinh thái thủy sinh bị đảo lộn; mực nước các dòng sông bị hạ thấp khiến mực nước ngầm bị giảm, tiềm ẩn nguy cơ hạn hán. Với hành vi

nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Đình M 01 năm 06 tháng tù là đã xem xét, áp dụng đầy đủ tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Quyết định của bản án là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[9] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp xác nhận của chính quyền địa phương về hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn. Cung cấp tài liệu về việc vợ bị cáo mắc bệnh tim, mẹ bị cáo thuộc đối tượng được trợ cấp xã hội hàng tháng do mất sức lao động, bị cáo là lao động chính nuôi 4 con nhỏ. Ngày 12/2/2022 bị cáo đã tự nguyện nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và tiền thu lợi bất chính 18.360.000đ. Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị cho bị cáo được cải tạo tại địa phương. Hội đồng xét xử xét thấy, đây là các tình tiết giảm nhẹ mới cần được xem xét áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để chấp nhận một phần kháng cáo giảm một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo và Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ là không có căn cứ chấp nhận, bởi trước khi phạm tội lần này bị cáo đã hai lần bị xử phạt vi phạm hành chính về cùng hành vi khai thác tài nguyên trái phép, mặc dù đã được coi là không có tiền sự, nhưng thể hiện ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo chưa tốt, cần phải có biện pháp cải tạo nghiêm khắc hơn để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Như đã phân tích nêu trên, xét thấy đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị cáo là có phần nghiêm khắc, chưa đảm bảo được quyền lợi của bị cáo.

[10] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận một phần, do vậy, bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đình M. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2020/HS-ST ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình M phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; khoản 1 Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình M 12 (Mười hai) tháng tù giam; được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/3/2019 đến ngày 04/4/2019. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2. Ghi nhận bị cáo Nguyễn Đình M nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) và tiền truy thu 18.360.000đ (Mười tám triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng) theo Bản án số 69/2020/HSST ngày 13/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên tại Biên lai thu số 0000135 ngày 12/4/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên.

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Đình M không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Cục THADS tỉnh Hưng Yên;
- Bị cáo (qua địa chỉ);
- Lưu HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Hoa